

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/DS-ST**

Ngày: 15- 7- 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cường

2. Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Ngày 15/7/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 14/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà TTX, sinh năm: 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Phố K, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:*

1. Chị TTH, sinh năm: 1989.

2. Anh TXT, sinh năm: 1988 (chồng chị TTH).

Cùng địa chỉ: Phố K, xã YT, huyện Yên Định, Thanh Hóa. Chị TTH và anh TXT vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020, bản tự khai ngày 24/4/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn là bà TTX trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm thân thiết với nhau nên vợ chồng chị TTH và anh TXT có hỏi vay tiền của bà. Bà đã đi vay tiền của Ngân hàng BIDV - Bím Sơn, có văn phòng tại Khu 2, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, số tiền 700.000.000đ. Ngày 19/8/2017, bà cho vợ chồng chị TTH, anh TXT vay 700.000.000đ (có giấy vay tiền). Thời điểm đó vợ chồng chị TTH, anh TXT đang

làm nhà để kinh doanh quán karaoke. Chị TTH cam kết trả nợ dần cho bà, mỗi tháng trả 40.000.000đ, bắt đầu trả từ ngày 19/9/2017. Giấy vay tiền do chính chị TTH tự viết và ký tên. Khi vay hai bên không viết lãi suất vay, bởi chị TTH nói sẽ trả lãi hộ cho bà ở Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó chị TTH đã không trả lãi hộ bà ở Ngân hàng mà bà phải đứng ra để trả. Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng chị TTH phải trả lãi cho bà bằng lãi suất bà đi vay Ngân hàng là 1%/tháng. Sau khi vay tiền, chị TTH không trả tiền nợ gốc cho bà theo đúng thỏa thuận. Đến ngày 18/01/2018, anh TXT mới trả cho bà số tiền nợ gốc là 25.000.000đ. Ngày 16/3/2018, anh TXT tiếp tục trả số tiền nợ gốc là 47.000.000đ. Ngày 06/8/2018, chị TTH trả 30.000.000đ nợ gốc. Tổng cộng vợ chồng chị TTH đã trả cho bà được số tiền nợ gốc là 102.000.000đ. Hiện nay, vợ chồng chị TTH còn nợ bà số tiền nợ gốc là 598.000.000đ. Về nợ lãi, từ khi vay đến nay vợ chồng chị TTH chưa trả tiền nợ lãi cho bà.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị TTH và anh TXT phải trả nợ toàn bộ số nợ cho bà, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc: 598.000.000đ;
- Nợ lãi tính từ ngày 19/9/2017 đến hết tháng 3/2020:
 $598.000.000đ \times 1\%/tháng \times 30 tháng = 179.000.000đ$.

Tổng cả gốc và lãi là 777.000.000đ (*Bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn*).

Đề nghị vợ chồng chị TTH, anh TXT phải tiếp tục trả lãi cho bà theo lãi suất ngân hàng là 1%/ tháng tính từ ngày 01/4/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ.

Bà không chấp nhận miễn lãi cho vợ chồng chị TTH. Từ trước đến nay, bà không nói là cho vợ chồng chị TTH tiền lãi. Vì để có tiền cho vợ chồng chị TTH vay, bà phải vay tiền của Ngân hàng, hiện tại vẫn phải trả lãi cho Ngân hàng. Bà không thể cho vợ chồng chị TTH tiền lãi được.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị TTH trình bày:

Vào cuối năm 2015, chị có đứng ra vay tiền của bà TTX số tiền là 400.000.000đ (vay làm nhiều lần cộng lại). Mỗi tháng chị phải trả lãi cho bà TTX 20.000.000đ. Chị đến trả lãi hàng tháng thì bà TTX không nhận mà bảo để lại cộng dồn vào gốc. Cứ 3-4 tháng bà TTX cộng lại và bảo chị viết 01 giấy vay tiền mới. Ngày 19/8/2017, chị viết dồn nợ lại bằng 01 giấy vay tiền, tổng số tiền vay là 700.000.000đ. Chị cam kết trả dần cho bà TTX trong vòng 18 tháng, mỗi tháng trả 40.000.000đ. Bà TTX nói với chị không tính lãi nữa mà chỉ yêu cầu chị trả hết số tiền nợ gốc là 700.000.000đ. Sau khi viết giấy vay nợ, vợ chồng chị đã trả cho bà TTX được 3 lần: Ngày 18/01/2018, chồng chị là anh TXT trả cho bà TTX

25.000.000đ. Ngày 16/3/2018, anh TXT trả số tiền nợ gốc là 47.000.000đ. Ngày 06/8/2018, chị trả 30.000.000đ nợ gốc. Tổng cộng vợ chồng chị đã trả được số tiền nợ gốc là 102.000.000đ. Sau đó, do vợ chồng chị là ăn khó khăn, nên không trả được nợ cho bà TTX. Chị thừa nhận hiện nay vợ chồng chị còn nợ bà TTX số tiền nợ gốc là 598.000.000đ. Ngoài ra, vợ chồng chị không còn nợ bà TTX bất kỳ khoản tiền nào khác.

Chị xin được trả dần số tiền nợ gốc, mỗi tháng trả từ 2.000.000đ đến 8.000.000đ. Số tiền này chị vay hộ cho chị P ở thôn Lự Khê 1, xã Yên Trường, huyện Yên Định. Hiện nay chị P đang đi nước ngoài. Nếu chị Thoa về chị đòi được nợ của chị P, chị sẽ trả hết nợ cho bà TTX.

Về nợ lãi: Chị đề nghị bà TTX không tính lãi, vì khi viết giấy vay tiền bà TTX có nói với chị không tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh TXT trình bày:

Việc chị TTH vay tiền của bà TTX từ năm 2015 anh không biết. Đến khi bà TTX đến đòi nợ, anh mới biết vợ anh vay tiền của bà TTX nhiều lần và viết giấy chót nợ vào ngày 19/8/2017 nợ bà TTX 700.000.000đ. Anh hỏi chị TTH thì chị TTH cho biết toàn bộ số tiền này chị vay hộ cho chị P ở thôn Lự Khê 1, xã Yên Trường. Hiện tại chị P đã đi nước ngoài, nên chị TTH không lấy được nợ của chị P để trả cho bà TTX. Sau khi biết chuyện, anh đã chấp nhận là khoản nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, ngày 18/01/2018, anh đứng ra trả cho bà TTX 25.000.000đ. Ngày 16/3/2018, anh trả cho bà TTX 47.000.000đ. Ngày 06/8/2018, chị TTH trả cho bà TTX 30.000.000đ. Tổng cộng vợ chồng anh đã trả được số tiền nợ gốc là 102.000.000đ. Sau đó, do vợ chồng anh làm ăn khó khăn, nên không trả được nợ cho bà TTX. Anh thừa nhận hiện nay vợ chồng anh còn nợ bà TTX số tiền nợ gốc là 598.000.000đ. Ngoài ra, vợ chồng anh không còn nợ bà TTX bất kỳ khoản tiền nào khác. Vợ chồng anh xin được trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng từ 2.000.000đ đến 8.000.000đ.

Về nợ lãi: Anh đề nghị bà TTX không tính lãi, vì khi viết giấy vay tiền bà TTX có nói với chị TTH không tính lãi. Hiện tại vợ chồng anh rất khó khăn, cũng không có điều kiện để trả lãi. Vì vậy, anh xin bà TTX miễn toàn bộ tiền lãi cho vợ chồng anh.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2020, các đương sự thống nhất trình bày:

Bà TTX cho vợ chồng chị TTH và anh TXT vay số tiền 700.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 19/8/2017. Chị TTH cam kết trả nợ dần hàng tháng mỗi tháng 40.000.000đ, bắt đầu trả từ ngày 19/9/2017. Từ khi vay đến nay, vợ chồng chị TTH, anh TXT mới trả cho bà TTX được 102.000.000đ tiền nợ gốc. Hiện tại, vợ

chồng chị TTH, anh TXT còn nợ bà TTX số tiền nợ gốc là 598.000.000đ (Năm trăm chín tám triệu đồng).

Tại phiên tòa: Chị TTH và anh TXT vắng mặt, mặc dù đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ.

Bà TTX yêu cầu vợ chồng chị TTH và anh TXT phải trả nợ toàn bộ số nợ cho bà TTX, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc : 598.000.000đ; Tiền lãi đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật.

Đề nghị vợ chồng chị TTH, anh TXT phải tiếp tục trả lãi cho bà sau ngày 15/7/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Việc khởi kiện của bà TTX đang trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa chị TTH và anh TXT vắng mặt và có đơn xin đề nghị hoãn phiên tòa lý do là chị TTH bị đau bụng thai đang điều trị tại Bệnh viện. HĐXX xét thấy: Quá trình tố tụng Tòa án đã mở phiên tòa 02 lần chị TTH và anh TXT có đơn xin hoãn phiên tòa vì bị đau bụng thai, Tòa án phải hoãn phiên tòa 02 lần. Lần thứ ba chị TTH và anh TXT vẫn có đơn xin hoãn phiên tòa. Tòa án đã giải thích cho anh TXT rõ, nếu chị TTH vì lý do sức khỏe không đến tham dự phiên tòa thì ủy quyền cho anh TXT tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, đến giờ xét xử chị TTH và anh TXT vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị TTH và anh TXT.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc:

Ngày 19/8/2017, bà TTX cho vợ chồng chị TTH, anh TXT vay 700.000.000đ (có giấy vay tiền). Vợ chồng chị TTH, anh TXT đã trả nợ cho bà TTX 03 lần, với số tiền 102.000.000đ. Vợ chồng chị TTH, anh TXT còn nợ bà TTX số tiền nợ gốc là 598.000.000đ.

HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng chị TTH, anh TXT thừa nhận vay của bà TTX số tiền 700.000.000đ. Vợ chồng chị TTH đã trả được 102.000.000đ. Vợ chồng chị TTH, anh TXT còn nợ bà TTX số tiền nợ gốc là 598.000.000đ. Như vậy, sự việc vay tiền, trả tiền là có thật, có chứng cứ rõ ràng cụ thể, được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà TTX, buộc vợ chồng chị TTH và anh TXT phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 598.000.000đ cho bà TTX.

2.2. *Về lãi suất và số tiền nợ lãi:* Trong Giấy vay tiền ngày 19/8/2017, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy cam kết ngày 06/8/2018 tại Phòng điều tra công an tỉnh Thanh Hóa cũng không ghi lãi suất (*trong giấy này ghi nhầm tiền gốc là 593.000.000đ*). Tuy nhiên, hai bên thừa nhận trước đây vay có lãi. Bà TTX yêu cầu tính lãi, chị TTH và anh TXT không chấp nhận tính lãi. Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay tiền, căn cứ khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị TTH và anh TXT phải trả tiền lãi cho bà TTX theo mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) là phù hợp.

Về thời điểm tính lãi: Bà TTX yêu cầu tính lãi từ ngày 19/9/2017. Tuy nhiên căn cứ vào giấy vay tiền ngày 19/8/2017 thì thời điểm trả tiền gốc hàng tháng bắt đầu từ ngày 19/10/2017 do đó tiền lãi được tính từ ngày 19/10/2017 là phù hợp.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Số tiền lãi tính từ ngày 19/10/2017 đến ngày mở phiên tòa (15/7/2020) là:

$598.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 32 tháng = 163.130.413đ$.

Tổng cả gốc và lãi là 761.130.413đ (*Bảy trăm sáu mươi triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm mười ba đồng*).

2.3. *Về án phí:* Yêu cầu của bà TTX được chấp nhận, nên vợ chồng chị TTH, anh TXT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTX.

Buộc vợ chồng chị TTH và anh TXT phải trả cho bà TTX số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 19/8/2017. Cụ thể: Tiền nợ gốc là: 598.000.000đ và tiền lãi là 163.130.413đ.

Tổng cả gốc và lãi là 761.130.413đ (*Bảy trăm sáu một triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm mười ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng chị TTH, anh TXT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Vợ chồng chị TTH và anh TXT phải chịu 34.445.216đ (*Ba mươi tư triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm mười sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà TTX số tạm ứng án phí 17.540.000đ (*Mười bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003592 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn, bị đơn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị TTH và anh TXT vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng